

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA LUẬT

ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Luật Thương mại quốc tế		
Mã học phần:	71LAWS40403	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	242_71LAWS40403_01, 02, 03		
Hình thức thi: Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
☐ Đề thi có sử dụng phần mềm riêng	GV ghi cụ thể tên phần mềm:		
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☒ Có (Chỉ sử dụng tài liệu giấy)	☐ Không	

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Đề xuất những giải pháp phù hợp nhằm giải quyết các case study mô phỏng tình huống áp dụng luật trong thương mại quốc tế	Tự luận	50%	4	5	PI 3.3
CLO3	Lựa chọn đúng các văn bản pháp luật và quy phạm pháp luật để áp dụng trong các tình huống pháp lý trong lĩnh vực thương mại quốc tế	Tự luận				PI 6.2

CLO2	Áp dụng hiệu quả kỹ năng tư duy phản biện, logic để giải quyết các tình huống trong bài tập cá nhân, bài tập nhóm	Tự luận	30%	1-2	3	PI 5.2
CLO5	Hình thành ý thức học tập suốt đời đáp ứng sự thay đổi của Ngành Luật trong bối cảnh toàn cầu hóa	Tự luận	20%	3	2	PI 10.2

III. Nội dung câu hỏi thi

Câu hỏi 1 (1.5 điểm): Nhận định sau đây đúng hay sai? Giải thích kèm cơ sở pháp lý.

Tổng Giám đốc của WTO do Đại hội đồng bầu ra.

Câu hỏi 2 (1.5 điểm): Nhận định sau đây đúng hay sai? Giải thích kèm cơ sở pháp lý.

Cơ quan điều tra chống bán phá giá luôn phải ban hành kết luận điều tra trong vòng 1 năm rưỡi kể từ khi bắt đầu điều tra.

Câu hỏi 3 (2.0 điểm):

Phân biệt quy chế tối huệ quốc (MFN) và quy chế đối xử quốc gia (NT) theo quy định của WTO.

Câu hỏi 4 (5.0 điểm):

Ngày 26/3/2023, công ty A (Việt Nam) gửi email đến công ty B (Trung Quốc) để chào bán 20 tấn cà phê tươi, giá 1.500 USD/tấn. Thời hạn cuối cùng để B trả lời là 17 giờ ngày 29/3/2023 (giờ Việt Nam). Nếu B đồng ý, A sẽ giao hàng cho B trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được chấp nhận chào hàng của B.

Ngày 28/3/2023, Công ty B đã gửi fax trả lời Công ty A với nội dung đồng ý mua 20 tấn cà phê tươi với giá cả và thời gian giao hàng nói trên, đồng thời đề nghị thêm rằng A sẽ giao hàng cho B theo điều kiện CIF Hải Phòng, Ningbo, INCOTERMS 2020. Thời hạn để A trả lời là 01/4/2023. Nhận được fax của Công ty B, Công ty A im lặng, không hồi đáp. Cùng lúc này, B nhận được tin giá cà phê trên thị trường giảm đột ngột nên quyết định fax cho A thông báo không mua hàng nữa. A nhận được fax vào ngày 30/3/2023.

Ngày 01/4/2023, A thông báo sẽ giao hàng cho bên vận chuyển vào ngày 03/4/2023. Phương thức vận chuyển: FOB Hải Phòng, INCOTERMS 2020. B phải thanh toán tiền hàng sau khi nhận được hàng. B cho rằng việc trả lời của B đã hình thành hoàn hảo chào hàng và B cũng đã rút lại đề nghị của mình trước thời điểm A đồng ý nên không đồng ý nhận hàng, thanh toán.

Giả sử Công ước Viên 1980 được áp dụng để điều chỉnh hợp đồng. Hãy trả lời các câu hỏi sau đây:

Câu 4.1 (1.5 điểm)

Nội dung trả lời của B vào ngày 28/3/2023 có phải là một hoàn chào hàng hay không? Giải thích và nêu cơ sở pháp lý.

Câu 4.2 (2.0 điểm)

Hợp đồng giữa Công ty A và Công ty B đã được ký kết hay chưa? Giải thích và nêu cơ sở pháp lý. Biết rằng cả Việt Nam và Trung Quốc đều bảo lưu Điều 11 của Công ước Viên 1980.

Câu 4.3 (1.5 điểm)

Việc Công ty A thông báo giao hàng như trên và Công ty B từ chối thanh toán tiền hàng có hợp lý không? Giải thích và nêu cơ sở pháp lý.

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Tự luận			
Câu 1		1.5	
Nhận định đúng/sai	Sai	0.5	Sai nội dung này thì không tính điểm 2 ý sau
Giải thích	Tổng Giám đốc do Hội nghị Bộ trưởng bổ nhiệm	0.5	
Cơ sở pháp lý	Khoản 2 Điều 6 Hiệp định Marrakesh	0.5	
Câu 2		1.5	
Nhận định đúng/sai	Sai	0.5	Sai nội dung này thì không tính điểm 2 ý sau
Giải thích	Quá trình điều tra phải được kết thúc trong vòng 1 năm và trong trường hợp đặc biệt thì không được vượt quá 18 tháng kể từ ngày bắt đầu điều tra	0.5	
Cơ sở pháp lý	Khoản 10 Điều 6 Hiệp định ADA	0.5	
Câu 3		2.0	
Chủ thể áp dụng	Nước nhập khẩu	0.5	
Đối tượng áp dụng	- MFN: thuế quan - NT: thuế nội địa	0.5	
Phạm vi so sánh	- MFN: so sánh thuế áp dụng lên hàng hóa tương tự nhập khẩu từ các quốc gia đối tác trong WTO - NT: so sánh thuế áp dụng lên hàng hóa tương tự nhập khẩu và hàng nội địa	0.5	
Yêu cầu	Chính sách và thuế mà nước nhập khẩu lên hàng hóa tương tự phải đảm bảo sự công bằng, bình đẳng, không phân biệt đối xử	0.5	
Câu 4		5.0	
Câu 4.1	- Không cấu thành hoàn hảo hàng (0.5 điểm) - Giải thích: Đề nghị thay đổi của B không làm thay đổi các nội dung cơ bản của chào hàng (0.5 điểm) - CSPL: Điều 19 CISG (0.5 điểm)	1.5	
Câu 4.2	- Chào hàng của A phù hợp yêu cầu tại Điều 14 của CISG (0.5 điểm).	2.0	

	- Chấp thuận chào hàng của B phù hợp quy định tại Điều 18 của CISG (0.5 điểm). - Email và fax là hình thức tương đương văn bản (0.5 điểm) - Hợp đồng ký theo Điều 23 CISG (0.5 điểm)		
Câu 4.3	- A im lặng với đề nghị thay đổi của B nên sẽ phải thực hiện hợp đồng theo đề nghị của B, theo Điều 19.2 CISG (0.5 điểm) - Sau khi hợp đồng được ký kết, A có trách nhiệm giao hàng theo phương thức CIF – Điều 30 CISG (0.5 điểm) - B phải thanh toán theo thỏa thuận về giá trong chào hàng – Điều 53 CISG (0.5 điểm)	1.5	
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 5 năm 2025

Người duyệt đề



ThS. Đoàn Kim Vân Quỳnh

Giảng viên ra đề



ThS. Đoàn Kim Vân Quỳnh